ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 510 /BC-UBND	*Minh Long, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa tại địa phương

Thực hiện Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh; Công văn số 11264/UBND-NNMT ngày 28/10/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 13653/SNNMT-KL ngày 02/11/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. UBND xã Minh Long báo cáo tình hình thực hiện trên địa bàn xã như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình

UBND xã Minh Long tiếp nhận, triển khai các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường về thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời lồng ghép nội dung bảo vệ đất, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý nguồn nước, phòng chống hạn hán, xói mòn, sạt lở đất vào công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp, lâm nghiệp, tài nguyên và môi trường tại địa phương.

UBND xã phân công Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Kiểm lâm địa bàn, các đơn vị chủ rừng, các thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan rà soát tình hình sản xuất, hiện trạng rừng, công trình thủy lợi; tuyên truyền, vận động Nhân dân sử dụng đất, nước hợp lý, không phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, đốt nương không đúng quy định và chủ động các biện pháp phòng, chống cháy rừng, hạn hán.

Việc triển khai Chương trình ở cấp xã hiện chủ yếu được thực hiện thông qua các nhiệm vụ thường xuyên và lồng ghép với chương trình, kế hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới. Hồ sơ hiện có chưa thể hiện một kế hoạch chuyên đề riêng của UBND xã về chống sa mạc hóa.

2. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Xã Minh Long là địa bàn miền núi, được hình thành trên cơ sở địa bàn các xã Long Môn, Thanh An và Long Hiệp trước đây. Địa hình có sự phân hóa, nhiều khu vực đồi núi, đất sản xuất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư và đất lâm nghiệp; sinh kế của một bộ phận người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với sản xuất nông nghiệp và tài nguyên rừng.

Về tài nguyên rừng, theo số liệu tổng hợp trong báo cáo công tác giao, khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2021–2025, diện tích rừng tự nhiên là 4.722,06 ha;

trong đó rừng phòng hộ 4.436,43 ha, rừng sản xuất 273,88 ha và diện tích ngoài lâm nghiệp 11,75 ha. Diện tích rừng trồng đã thành rừng là 3.258,13 ha; diện tích rừng trồng chưa thành rừng là 3.076,20 ha. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 đạt 63,97%.

Về nguồn nước và thủy lợi, trên địa bàn xã có hồ chứa nước Đồng Cần cùng hệ thống công trình thủy lợi, gồm các đập dâng kiên cố và đập tạm, đập bồi phục vụ tưới tiêu. Theo thông tin rà soát của địa phương, có 51 đập dâng kiên cố và 23 đập tạm, đập bồi. Các công trình này có vai trò quan trọng trong cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lúa.

Sản xuất nông nghiệp của xã chủ yếu là trồng lúa, cây keo và các loại cây trồng khác; chăn nuôi quy mô hộ gia đình vẫn là sinh kế của nhiều hộ dân. Đối với những diện tích đất lúa không bảo đảm nguồn nước tưới, người dân có thể chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp, trong đó có trồng cỏ phục vụ chăn nuôi, nhằm sử dụng đất hiệu quả và hạn chế bỏ hoang đất.

3. Hiện trạng, nguy cơ sa mạc hóa và khô hạn tại địa phương

Qua rà soát hồ sơ hiện có, chưa có kết quả điều tra, đánh giá chuyên đề để xác định cụ thể diện tích đất bị thoái hóa, diện tích hoặc khu vực được phân loại là sa mạc hóa trên địa bàn xã Minh Long. Do đó, UBND xã chưa có cơ sở xác định diện tích, cấp độ thoái hóa đất và mức độ sa mạc hóa theo tiêu chí chuyên ngành.

Với đặc điểm địa hình miền núi, các nguy cơ cần quan tâm gồm: xói mòn, rửa trôi đất tại khu vực đất dốc, đất sản xuất thiếu che phủ; nguy cơ sạt lở tại một số vị trí có địa hình dốc khi mưa lớn; thiếu nước cục bộ tại những diện tích sản xuất phụ thuộc vào nguồn nước tự nhiên hoặc công trình thủy lợi nhỏ trong thời kỳ nắng nóng, khô hạn. Đây là các nguy cơ cần tiếp tục theo dõi, rà soát, chưa phải kết quả phân vùng hoặc kết luận điều tra về sa mạc hóa.

Nguyên nhân có thể làm gia tăng nguy cơ thoái hóa đất gồm địa hình dốc, mưa lớn tập trung theo mùa, dòng chảy mặt gây rửa trôi; việc canh tác trên đất dốc nếu không có biện pháp bảo vệ đất; suy giảm thảm thực vật hoặc tác động bất lợi đến rừng; công trình thủy lợi xuống cấp, nguồn nước mùa khô hạn chế. Tác động có thể ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, khả năng duy trì sản xuất, thu nhập và đời sống của các hộ dân phụ thuộc vào nông nghiệp.

Đối tượng có khả năng chịu ảnh hưởng trực tiếp là hộ sản xuất nông nghiệp, hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, các hộ sinh sống và sản xuất tại khu vực đồi dốc hoặc khu vực cuối nguồn nước tưới. UBND xã chưa có số liệu thống kê riêng về số hộ và diện tích bị ảnh hưởng bởi sa mạc hóa.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

1. Công tác khoanh vùng, định vị và giám sát các khu vực bị sa mạc hóa

Trong kỳ báo cáo, UBND xã thực hiện rà soát, theo dõi hiện trạng đất đai, sản xuất nông nghiệp, diện tích rừng và các khu vực có nguy cơ chịu tác động của hạn hán, xói mòn, rửa trôi thông qua công tác quản lý địa bàn, phối hợp với Kiểm lâm địa bàn, các đơn vị chủ rừng và trưởng thôn.

Đến thời điểm báo cáo, xã chưa tổ chức điều tra chuyên đề, chưa lập bản đồ khoanh vùng hoặc cơ sở dữ liệu riêng về khu vực bị sa mạc hóa. Việc xác định chính xác diện tích, vị trí, nguyên nhân và mức độ thoái hóa đất cần có hướng dẫn chuyên môn, phương pháp điều tra và nguồn kinh phí của cấp có thẩm quyền.

Thời gian tới, xã sẽ phối hợp cung cấp thông tin, rà soát các khu vực đất dốc, đất sản xuất có dấu hiệu xói mòn, khu vực thiếu nước tưới và khu vực có biến động thảm phủ để phục vụ điều tra, khoanh vùng khi được cơ quan chuyên môn triển khai.

2. Công tác tuyên truyền, đào tạo và tập huấn

Công tác tuyên truyền được lồng ghép trong các hoạt động phổ biến pháp luật về lâm nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng chống thiên tai và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp. Nội dung tập trung vận động người dân bảo vệ rừng, không phá rừng làm nương rẫy trái quy định; sử dụng đất đúng mục đích; duy trì thảm thực vật; thực hiện các biện pháp canh tác phù hợp với đất dốc và sử dụng tiết kiệm nguồn nước.

UBND xã phối hợp với Kiểm lâm địa bàn, chủ rừng và các thôn trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia tuần tra, bảo vệ rừng, phát hiện và thông tin kịp thời các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, nguy cơ cháy rừng. Hồ sơ hiện có chưa thống kê riêng số cuộc tuyên truyền, số lớp tập huấn, số lượt người tham gia có nội dung chuyên biệt về chống sa mạc hóa.

Nhìn chung, việc lồng ghép tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của rừng, đất và nước đối với sản xuất, đời sống. Tuy nhiên, nội dung chống thoái hóa đất, kỹ thuật canh tác bảo tồn đất và quản lý nước trong điều kiện khô hạn cần được hướng dẫn chuyên sâu hơn.

3. Nghiên cứu, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trong phạm vi hồ sơ hiện có, xã chưa ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học, mô hình thử nghiệm hoặc dự án ứng dụng công nghệ chuyên biệt về phòng, chống sa mạc hóa do cấp xã chủ trì. Chưa có số liệu về hệ thống quan trắc, cảnh báo thoái hóa đất, hạn hán hoặc cơ sở dữ liệu số chuyên ngành chống sa mạc hóa.

Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất hiện chủ yếu thông qua hướng dẫn mùa vụ, cơ cấu cây trồng, sử dụng giống phù hợp và khai thác công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu. Địa phương định hướng khuyến khích áp dụng tưới tiết kiệm nước, sử dụng giống cây trồng thích ứng điều kiện địa phương, tăng cường che phủ đất và phát triển mô hình nông - lâm kết hợp phù hợp quy hoạch.

4. Cải tạo, phục hồi đất bị thoái hóa

Chưa có số liệu điều tra xác định diện tích đất bị thoái hóa đã được cải tạo, phục hồi theo chương trình chuyên đề chống sa mạc hóa. Các hoạt động có liên quan được thực hiện lồng ghép trong sản xuất nông nghiệp và quản lý, bảo vệ rừng.

Đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp, địa phương vận động người dân bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp điều kiện đất đai và nguồn nước; chủ động chuyển đổi cây trồng trên diện tích lúa không bảo đảm nước tưới theo quy định; hạn chế để đất trống kéo dài, tăng cường biện pháp giữ ẩm và bảo vệ tầng đất mặt.

Đối với khu vực đất lâm nghiệp, việc duy trì độ che phủ rừng, bảo vệ rừng tự nhiên, chăm sóc diện tích rừng trồng và khoanh nuôi tái sinh có ý nghĩa quan trọng trong bảo vệ đất, hạn chế dòng chảy mặt, xói mòn và rửa trôi. Hiệu quả cải tạo, phục hồi đất cần được đánh giá cụ thể sau khi có điều tra, theo dõi chuyên môn.

5. Bảo vệ và phát triển rừng

Công tác bảo vệ và phát triển rừng là nội dung có đóng góp trực tiếp, quan trọng đối với mục tiêu phòng ngừa thoái hóa đất và sa mạc hóa tại xã Minh Long. UBND xã phối hợp với cơ quan Kiểm lâm, Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh (Trạm Quản lý bảo vệ rừng khu vực Minh Long), các thôn, cộng đồng dân cư và hộ gia đình trong quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và thực hiện giao, khoán bảo vệ rừng.

Kết quả giao rừng: tổng diện tích đã giao là 253,32 ha, trong đó cộng đồng dân cư thôn 236,96 ha và hộ gia đình, cá nhân 16,26 ha; loại rừng được giao là rừng tự nhiên sản xuất.

Kết quả khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2021–2025 được tổng hợp theo địa bàn các xã Long Môn, Long Hiệp và Thanh An trước đây. Đơn vị sử dụng ngân sách là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi. Diện tích khoán tập trung tại địa bàn Long Môn, Long Hiệp và Thanh An; đối tượng nhận khoán gồm hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư. Trong các năm 2023–2025, việc tổ chức nhận khoán có xu hướng tăng vai trò của cộng đồng dân cư.

Riêng năm 2021, báo cáo giao, khoán bảo vệ rừng của xã ghi nhận tổng kinh phí chưa thanh toán là 1.047.561.850 đồng. Đây là nội dung tồn tại cần tiếp tục phối hợp với chủ rừng và cơ quan có thẩm quyền rà soát, xử lý, bảo đảm quyền lợi của các hộ gia đình, cộng đồng đã thực hiện nhiệm vụ.

Hiện trạng tài nguyên rừng theo số liệu năm 2025: rừng tự nhiên 4.722,06 ha; rừng trồng đã thành rừng 3.258,13 ha; rừng trồng chưa thành rừng 3.076,20 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 63,97%. Diện tích rừng phòng hộ tự nhiên lớn có vai trò quan trọng trong bảo vệ đất đầu nguồn, điều tiết dòng chảy, giữ nước, hạn chế xói mòn và góp phần duy trì cân bằng sinh thái.

Chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2021–2025 trên địa bàn xã không thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Đánh giá chung, công tác giao, khoán bảo vệ rừng góp phần huy động người dân tham gia trực tiếp vào bảo vệ tài nguyên rừng, tạo thêm việc làm và thu nhập, nâng cao trách nhiệm cộng đồng. Tuy nhiên, cần tiếp tục củng cố hồ sơ, tăng cường tuần tra, nghiệm thu, phòng cháy chữa cháy rừng và hỗ trợ sinh kế gắn với bảo vệ rừng.

Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Ghi chú
Rừng tự nhiên	4.722,06	Phòng hộ: 4.436,43 ha; sản xuất: 273,88 ha; ngoài lâm nghiệp: 11,75 ha
Rừng trồng đã thành rừng	3.258,13	Phòng hộ: 407,69 ha; sản xuất: 2.012,13 ha; ngoài lâm nghiệp: 838,31 ha
Rừng trồng chưa thành rừng	3.076,20	Phòng hộ: 559,86 ha; sản xuất: 2.007,78 ha; ngoài lâm nghiệp: 508,56 ha
Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025	63,97%	Theo báo cáo hiện trạng rừng

6. Quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn nước

Địa phương quản lý, khai thác các công trình thủy lợi hiện có để phục vụ tưới tiêu, trong đó có hồ chứa nước Đồng Cần và hệ thống đập dâng, kênh mương. Công tác duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi được quan tâm nhằm hạn chế thất thoát nước, nâng cao khả năng cấp nước cho sản xuất.

Trong năm 2026 triển khai các nội dung duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi, trong đó có công trình kênh mương Đồng Cần và các hạng mục kênh mương, đập tại khu vực Đồng Ren, Đồng Rinh theo kế hoạch, nguồn vốn được giao. Việc sửa chữa, bảo dưỡng công trình góp phần nâng cao hiệu quả dẫn nước, chủ động hơn trong điều tiết nước phục vụ sản xuất.

Đối với sản xuất nông nghiệp, xã định hướng bố trí mùa vụ phù hợp khả năng cấp nước; vận động người dân sử dụng nước tiết kiệm, chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích không bảo đảm tưới; khuyến khích trồng cây có khả năng thích ứng và che phủ đất, hạn chế tình trạng đất bỏ hoang.

Hồ sơ hiện có chưa cung cấp số liệu định lượng về lượng nước khai thác, diện tích tưới chủ động, số hộ được cấp nước sinh hoạt ổn định, số công trình cấp nước sinh hoạt hoặc diện tích thường xuyên thiếu nước, Xã tiếp tục rà soát, cập nhật để phục vụ đánh giá đầy đủ hơn.

7. Nguồn lực tài chính và phi tài chính hỗ trợ thực hiện Chương trình

Trong kỳ báo cáo, chưa có nguồn kinh phí được tổng hợp riêng cho nhiệm vụ chống sa mạc hóa trên địa bàn xã. Các hoạt động có liên quan chủ yếu được

thực hiện thông qua nguồn lực lồng ghép từ ngân sách nhà nước, kinh phí sự nghiệp lâm nghiệp, các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn đầu tư và kinh phí duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi theo các quyết định phân bổ có liên quan.

Nguồn lực phi tài chính gồm sự phối hợp của cơ quan Kiểm lâm, Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh, các phòng chuyên môn, trưởng thôn, cộng đồng dân cư và hộ gia đình trong tuần tra bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, duy tu công trình và tổ chức sản xuất. Chưa có số liệu thống kê riêng về nguồn vốn tư nhân, nguồn vốn song phương, đa phương hoặc viện trợ quốc tế dành cho chống sa mạc hóa tại xã.

8. Hợp tác quốc tế

Đến thời điểm báo cáo, xã Minh Long chưa có dự án hợp tác quốc tế, nguồn vốn ODA/viện trợ hoặc hoạt động chuyển giao công nghệ quốc tế chuyên biệt về phòng, chống sa mạc hóa trên địa bàn xã.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục được quan tâm; diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng đã thành rừng tương đối lớn, tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 đạt 63,97%, góp phần bảo vệ đất, giữ nước, hạn chế xói mòn và duy trì hệ sinh thái.

Chính sách giao rừng, khoán bảo vệ rừng đã huy động cộng đồng dân cư, hộ gia đình tham gia quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng; từng bước nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người dân. Công tác phối hợp giữa UBND xã, Kiểm lâm địa bàn, chủ rừng và các thôn được duy trì.

Hệ thống hồ chứa, đập dâng và kênh mương hiện có là cơ sở quan trọng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Địa phương đã quan tâm duy tu, sửa chữa công trình và định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với diện tích thiếu nước tưới.

2. Tồn tại, hạn chế

Chưa có điều tra, đánh giá chuyên đề để xác định diện tích, mức độ và bản đồ các khu vực đất bị thoái hóa, có nguy cơ sa mạc hóa; chưa có bộ số liệu đầy đủ về hạn hán, lượng mưa, nhiệt độ, độ ẩm đất và mức độ thiếu nước theo từng khu vực.

Nguồn kinh phí dành riêng cho hoạt động chống sa mạc hóa chưa được bố trí hoặc tổng hợp riêng; việc triển khai chủ yếu lồng ghép trong các nhiệm vụ thường xuyên và chương trình khác.

Một số công trình thủy lợi nhỏ cần tiếp tục được duy tu, sửa chữa; khả năng cấp nước tại một số khu vực có thể bị ảnh hưởng trong mùa khô. Kỹ thuật canh tác bảo tồn đất, tưới tiết kiệm và mô hình sinh kế thích ứng với khô hạn chưa được nhân rộng đồng bộ.

Hồ sơ, số liệu giao khoán bảo vệ rừng qua các năm được tổng hợp theo địa bàn các xã cũ, cần tiếp tục rà soát, chuẩn hóa sau sắp xếp đơn vị hành chính; kinh phí khoán bảo vệ rừng năm 2021 còn chưa thanh toán theo báo cáo.

3. Nguyên nhân

Địa phương chưa có nguồn lực và điều kiện kỹ thuật để tổ chức điều tra chuyên sâu, lập bản đồ và xây dựng cơ sở dữ liệu về thoái hóa đất, sa mạc hóa. Hướng dẫn chuyên môn, phương pháp đánh giá và hệ thống chỉ tiêu cần được cơ quan cấp trên cung cấp thống nhất.

Địa hình miền núi, đất dốc, sản xuất phân tán và điều kiện kinh tế của một bộ phận người dân còn khó khăn làm hạn chế khả năng đầu tư các biện pháp bảo vệ đất, nước và áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan chuyên môn quan tâm hỗ trợ điều tra, đánh giá hiện trạng thoái hóa đất, hạn hán và nguy cơ sa mạc hóa tại địa bàn miền núi; hướng dẫn tiêu chí nhận diện, phương pháp khoanh vùng, lập bản đồ và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ theo dõi.

2. Quan tâm bố trí kinh phí từ ngân sách và lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện các giải pháp bảo vệ đất, phục hồi thảm thực vật, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng cây bản địa, cây phân tán và phát triển mô hình nông - lâm kết hợp phù hợp điều kiện địa phương.

3. Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp, duy tu hồ chứa, đập dâng, kênh mương và công trình cấp nước; hướng dẫn áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm, giải pháp trữ nước và sử dụng nước hiệu quả trong mùa khô.

4. Tổ chức tập huấn cho cán bộ cấp xã, cộng đồng dân cư và hộ sản xuất về kỹ thuật canh tác trên đất dốc, chống xói mòn, cải tạo đất, quản lý độ phì, sử dụng nước tiết kiệm, phòng cháy chữa cháy rừng và các mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Tiếp tục có chính sách hỗ trợ cộng đồng dân cư, hộ gia đình nhận giao khoán bảo vệ rừng; quan tâm trang thiết bị tuần tra, phòng cháy chữa cháy rừng và phát triển sinh kế dưới tán rừng, lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu phù hợp quy hoạch, góp phần giảm áp lực lên tài nguyên rừng.

6. Đề nghị cơ quan chuyên môn phối hợp rà soát, chuẩn hóa số liệu đất đai, rừng, nguồn nước và công trình thủy lợi sau sắp xếp đơn vị hành chính; cung cấp dữ liệu khí tượng thủy văn và cảnh báo hạn hán để địa phương chủ động xây dựng phương án ứng phó.

V. KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ ƯU TIÊN TRONG NĂM 2027

1. Tiếp tục triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường về Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa; lồng ghép mục tiêu chống thoái hóa đất, bảo vệ tài nguyên đất, nước

và rừng vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp của xã.

2. Phối hợp cơ quan chuyên môn rà soát, xác định các khu vực có nguy cơ xói mòn, rửa trôi, thiếu nước tưới, suy giảm thảm phủ; tổng hợp thông tin, đề xuất điều tra, đánh giá và khoanh vùng khi có hướng dẫn, nguồn lực.

3. Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng; phối hợp chủ rừng, Kiểm lâm địa bàn và cộng đồng dân cư tổ chức tuần tra, kiểm tra, phòng cháy chữa cháy rừng; theo dõi diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ và diện tích rừng trồng.

4. Rà soát nhu cầu duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi; chủ động phương án điều tiết, sử dụng nước tiết kiệm; hướng dẫn người dân bố trí mùa vụ và chuyển đổi cây trồng trên diện tích không bảo đảm nước tưới theo quy định.

5. Tăng cường tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ đất, chống xói mòn, giữ ẩm đất, trồng cây che phủ, canh tác trên đất dốc, sử dụng phân bón hợp lý, tiết kiệm nước và bảo vệ rừng.

6. Khuyến khích xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất nông - lâm kết hợp, trồng cây bản địa, cây dược liệu và phát triển sinh kế dưới tán rừng phù hợp quy hoạch, điều kiện tự nhiên và nhu cầu của người dân.

7. Rà soát, tổng hợp và cập nhật số liệu diện tích đất, rừng, nguồn nước, công trình thủy lợi, diện tích thiếu nước và kết quả thực hiện các hoạt động có liên quan; định kỳ báo cáo cơ quan cấp trên theo yêu cầu.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa trên địa bàn xã Minh Long, kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi (qua Chi cục Kiểm lâm) xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Sở NTMT tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng XD, NN&MT;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ MINH LONG TỈNH QUẢNG NGÃI

Đinh Thị Súc